TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 5 - 2026
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Diện
Ông Ong Văn Đủ
- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Cà Mau.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026 về việc*"Tranh chấp xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Bé T, sinh ngày 01/01/1989;
Số CCCD: 096189000925.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Lê Bình M, sinh ngày 19/9/1989.
Số CCCD: 096089015628.
Địa chỉ: Ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau.
Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Đặng Bé T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Bình M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) năm 2012.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Nay, chị nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Lê Bình M.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T1 có 02 người con

chung tên: Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và Lê Đăng K1, sinh ngày 17/8/2023 đang sống cùng chị và anh M. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu K, K1; Yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/hai con cho đến khi hai cháu thành niên.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do phải đi làm xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chị xin Tòa án xét xử vắng mặt.

** Bị đơn là anh Lê Bình M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Đặng Bé T và anh Lê Bình M là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Lê Bình M có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã C, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đặng Bé T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là anh Lê Bình B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T, anh M là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị và anh Lê Bình M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã C, tỉnh Cà Mau) năm 2012. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây thì vợ chồng chị thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Nay, chị nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Lê Bình M.

Đối với anh M, Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh M đã

thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được đúng như chị T xác định. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T xác định có với anh M 02 con chung tên: Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và Lê Đăng K1, sinh ngày 17/8/2023 đang sống cùng chị T và anh M. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu K và K1.

Theo quy định của pháp luật thì:*"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên…"; "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…"* và theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định như sau:*"... con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con…"*, "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con...".*

Xét thấy: Cháu Lê Đăng K1 sinh ngày 17/8/2023 chưa được 36 tháng tuổi; cháu Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 thì đã được 14 tuổi. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2026 cháu Lê Đăng K xác định, sau khi cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ là chị Đặng Bé T. Như vậy, căn cứ theo yêu cầu của chị T, cũng như căn cứ theo quy định pháp luật và xem xét nguyện vọng của cháu K, cần tiếp tục giao hai cháu K, K1 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp để không gây xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháu.

Anh M không trực tiếp nuôi có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền là 3.000.000 đồng/tháng/hai con chung. Căn cứ khoản 2 Điều Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét thấy mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu anh M cấp dưỡng là thấp so với nhu cầu thực tế mà chị T phải bỏ ra để chăm sóc, nuôi dưỡng cho hai cháu và mức cấp dưỡng mà chị T đưa ra là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu K, cháu K1 số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu K, cháu K1 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị T xác định chị và anh T1 không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị T xác định chị và anh T1 không có nợ chung hay ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Bé T, anh Lê Bình M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 110, 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Bé T, cho chị T được ly hôn với anh Lê Bình M.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Lê Đăng K1, sinh ngày 17/8/2023 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh M không trực tiếp nuôi có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Buộc anh Lê Bình M phải cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu Lê Đăng K, sinh ngày 22/6/2012 và cháu Lê Đăng K1, sinh ngày 17/8/2023 với mức 3.000.000đồng/tháng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu Thi hành án nếu bị đơn chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lại suất quy định tại khoản 2 Điều 468 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Bé T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 23 tháng 02 năm 2026 chị T có dự nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001795 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Anh Lê Bình M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*- Chưa nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Diện **Ong Văn Đ** **Tăng Thị N**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4- Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Cái Nước;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ